



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-218 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý Nhà máy nước Tả Lùng. Đc: phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu -TP 01
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh khiết loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-218	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,236	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,83	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,29	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-219 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hệ thống cấp nước chi nhánh Tân Phong, Đc: phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu - TP 02
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-219	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,405	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,32	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,32	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-220 (26.914)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hệ thống cấp nước chi nhánh Tân Phong, Đc: phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu - TP 03
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-220	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,344	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,48	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,24	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.  
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.  
 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-221 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hệ thống cấp nước chi nhánh Tân Phong. Đc: phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu - TP 04
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-221	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	<0,2	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,43	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,26	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-222 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và cấp nước Nùng Nang, Đc: Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu - TP 05
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh khiết trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-222	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,342	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,25	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,41	2
8	Asen (Arsenic) (As)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-223 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và cấp nước Nậm Loỏng, Đc: Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu - TP 06
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiết trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-223	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,645	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,21	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,74	2
8	Asen (Arsenic) (As)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-224 (26.914)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và cấp nước Bình Lư. Đc: xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu - TĐ 07
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-224	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,405	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,45	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,61	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-225 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm xử lý và cấp nước Bình Lư. Đc: xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu - TĐ 08
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-225	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,259	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,49	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,51	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-226 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm xử lý và cấp nước Bình Lư. Đc: xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu - TĐ 09
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-226	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,241	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,48	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,48	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-227 (26.914)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và cấp nước Sin Hồ. Đc: xã Sin Hồ, tỉnh Lai Châu - SH 10
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-227	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,708	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,28	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,53	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-228 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm xử lý và cấp nước Sin Hồ. Đc: xã Sin Hồ, tỉnh Lai Châu - SH 11
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-228	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,572	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,32	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,44	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-229 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm xử lý và cấp nước Sin Hồ. Đc: xã Sin Hồ, tỉnh Lai Châu - SH 12
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2604-229	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,505	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,31	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,63	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-230 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và cấp nước Pa So. Đc: xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 13
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-230	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,485	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,11	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,36	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-231 (26.914)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm xử lý và cấp nước Pa So. Đc: xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 14
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-231	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,238	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,12	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,41	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.  
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-232 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm xử lý và cấp nước Pa So. Đc: xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 15
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh khiết trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-232	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,222	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,16	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,47	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-233 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và cấp nước Vàng Bó. Đc: xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 16
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-233	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,472	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,03	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,37	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-234 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm xử lý và cấp nước Vàng Bó. Đc: xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 17
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh khiết trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-234	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,473	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,05	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,27	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-235 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm xử lý và cấp nước Vàng Bó. Đc: xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 18
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-235	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,28	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,17	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,38	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, Đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-236 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Nhà máy xử lý và cấp nước Ma Lù Thăng. Đc: xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 19
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh khiết loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-236	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,262	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,16	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,45	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-237 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Nhà máy xử lý và cấp nước Ma Lù Thành. Đc: xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 20
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh khiết loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-237	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,25	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,15	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,36	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-238 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Nhà máy xử lý và cấp nước Ma Lù Thành. Đc: xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 21
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-238	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,16	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,71	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-239 (26.914)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và cấp nước Hua Nà. Đc: xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 22
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-239	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,233	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,37	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,43	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
 Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
 Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-240 (26.914)

- |  |  |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample                 | : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm xử lý và cấp nước Hua Nà. Đc: xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 23                |
| 2. Loại mẫu/ Sample type                   | : Nước sạch  |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer        | : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu   |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu   |
| 5. Mô tả mẫu/ Description                  | : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving        | : 08/04/2026   |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking        | : Lê Thị Thúy  |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time      | : 08/04/2026 – 16/04/2026  |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results        | :  |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-240	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,49	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,64	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-241 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm xử lý và cấp nước Hua Nà. Đc: xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 24
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-241	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,203	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,48	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,47	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-242 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý – Trạm xử lý và cấp nước Mường Than. Đc: xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 25
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-242	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,546	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,47	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,77	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-243 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm xử lý và cấp nước Mường Than. Đc: xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 26
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-243	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,486	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,49	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,02	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-244 (26.914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm xử lý và cấp nước Muồng Than. Đc: xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 27
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh trùng loại 500ml, 1 chai nhựa PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-244	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,33	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,48	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,52	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-245 (26.915)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau xử lý - Hợp tác xã Công nghệ và môi trường huyện Tân Uyên. Đc: Xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu - TU 28
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Hợp tác xã Công nghệ và Môi trường
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Bản Nặm Bon, xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-245	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,589	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,43	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,38	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-246 (26.915)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Hợp tác xã Công nghệ và môi trường huyện Tân Uyên. Đc: Xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu - TU 29
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Hợp tác xã Công nghệ và Môi trường
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Bản Nặm Bon, xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tịnh trùng loại 500ml, 1 chai PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-246	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,368	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,35	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,36	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2604-247 (26.915)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Hợp tác xã Công nghệ và môi trường huyện Tân Uyên. Đc: Xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu - TU 30
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Hợp tác xã Công nghệ và Môi trường
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Bản Nặm Bon, xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 1 chai PE 500ml, tất cả bảo quản lạnh
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/04/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/04/2026 – 16/04/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2604-247	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,291	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,28	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,38	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc hoặc mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**BỘ Y TẾ**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

**TRUNG TÂM**  
**XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.